CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***454 394***	***165 770***	***306 998***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**131 705**	**53 495**	**80 177**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***34 415***	***33 802***	***2 579***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/8	511/8		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 050	22 760	290	14/8	HỘ LỚN	MỚN:22.803,05
2		KDT HẢI PHÒNG	14/8	2062/8	24/8	HP 6690	CÁM 5A.1	2 220	2 187	33	14/8	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	16/8	2076/8	26/8	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969	1 966	1 969	15/8	PTCB	
4		SX & TM THAN UÔNG BÍ	14/8	2066/8	21/8	HN 2556	CÁM 4A.1	2 500	2 384	116	14/8	TD	
5		VT & KDT	10/8	2019/8	17/8	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200	1 194	6	15/8	TD	
6		VINA CARBON	15/8	2072/8	22/8	BN 1386	CÁM 1	1 100	1 084	16	15/8	TD	
7		KDT MIỀN BẮC	15/8	2069/8	22/8	HP 5915	CÁM 1	2 376	2 227	149	15/8	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***26 000***	***19 693***	***6 308***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/8	520/8		VIỆT THUẬN 235-06	CÁM 6A.1	22 400	17 229	5 171	RỐT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 22.400
2		TRƯỜNG ANH 888	11/8	2028/8	18/8	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 100	423	678	RỐT DỞ	TD	
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	14/8	2068/8	21/8	HN 2402	CÁM 4A.1	2 500	2 041	459	RỐT DỞ	TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***71 290***		***71 290***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐẠM NINH BÌNH	16/8	521/8		NB 8910	CÁM 4A.1	2 380		2 380		HỘ LỚN	
4		NHÔM ĐẮK NÔNG	16/8	2081/8		VIỆT THUẬN 075-01	CÁM 5A.1	3 600		3 600		HỘ LỚN	
5		NHÔM LÂM ĐỒNG	16/8	2082/8		VIỆT THUẬN 075-01	CỤC 4A.2	3 200		3 200		HỘ LỚN	
6		SX & TM THAN UÔNG BÍ	14/8	1989/8	21/8	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
7		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	15/8	2002/8	22/8	BN 8530	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
8		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	10/8	2018/8	17/8	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/8	2020/8	17/8	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	
10		THAN MIỀN TRUNG	12/8	2045/8	19/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	
11		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2070/8	22/8	BN 2665	CÁM 4A.1	2 200		2 200		TD	
12		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2071/8	22/8	HP 5907	CÁM 4A.1	1 100		1 100		TD	
13		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2073/8	22/8	BN 0679	CÁM 4A.1	1 100		1 100		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
14		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2075/8	22/8	QN 7535	CÁM 4A.1	1 150		1 150		TD	
15		THAN SÔNG HỒNG	16/8	2079/8	23/8	BN 1816	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
16		THAN SÔNG HỒNG	16/8	2080/8	23/8	BN 1856	CÁM 4A.1	1 050		1 050		TD	
	Tàu chuyển tải							**193 790**	**72 244**	**121 546**			
	Tàu đã làm hàng							***71 190***	***70 644***	***546***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690	27 409	281	14/8	HỘ LỚN	TTHG: 21.959,4 - KVCP: 5.695,44
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	9/8	509/8		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.14	20 700	20 512	188	15/8	HỘ LỚN	XNKT: 10.410,22 KVCP: 4.334,26 KDTCP: 5.926,34
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	5/8	504/8		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 722	78	15/8	HỘ LỚN	TTHG: 18.204,41 - KVCP: 4.517,87
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***58 050***	***1 600***	***56 450***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650	1 600	27 050	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/8	515/8		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400		29 400		HỘ LỚN	TTHG: 24.000 - KVCP: 5.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***64 550***		***64 550***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	14/8	513/8		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	CLM: 23.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM:20.000 - KVCP:11.250
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**41 804**	**19 143**	**22 661**			
	Tàu đã làm hàng							***19 488***	***19 143***	***345***			
1		KDT HẢI PHÒNG	12/8	2036/8	22/8	HP 5925	CÁM 6B.1	1 550	1 534	16	14/8	PTCB	NGUỒN HẠ LONG
2		KDT HẢI PHÒNG	12/8	2037/8	22/8	HP 6863	CÁM 7C	2 310	2 290	20	14/8	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3		KDT MIỀN BẮC	12/8	2048/8	22/8	HD 1256	CÁM 6B.1	1 345	1 341	4	15/8	PTCB	NGUỒN HẠ LONG
4		KDT BẮC MIỀN BẮC	16/8	2077/8	26/8	HP 6559	CÁM 7C	1 636	1 623	13	16/8	PTCB	
5		KDT HÀ NỘI	10/8	1921/7	17/8	BN 2212	CÁM 8A	1 921	1 906	15	14/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
6		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	11/8	1925/7	18/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979	1 938	41	14/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
7		THAN MIỀN NAM	7/8	1997/8	14/8	AN THÀNH 68	CÁM 8A	900	892	8	15/8	TD	Thay TBRT 1992/8
							CỤC XÔ 1B	1 000	996	4	15/8	TD	
8		CP XNK THAN	11/8	2023/8	18/8	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 700	1 606	94	15/8	TD	NGUỒN ĐN-CS
9		SX & TM THAN UÔNG BÍ	12/8	2040/8	19/8	HD 2325	CÁM 8A	1 360	1 345	15	15/8	TD	NGUỒN ĐN-CS
10		SX & TM THAN UÔNG BÍ	12/8	2042/8	19/8	BN 0758	CÁM 8A	1 247	1 243	4	15/8	TD	NGUỒN ĐN-CS
11		THÁI SƠN HP	13/8	2052/8	20/8	PT 2689	CÁM 8A	1 540	1 448	92	16/8	TD	NGUỒN ĐN-CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
12		KDT BẮC TRUNG BỘ	12/8	2034/8	19/8	NB 2952	CÁM 8A	1 000	981	19	16/8	TD	NGUỒN CAO SƠN
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***1 300***		***1 300***			
1		ĐT TM &DV	14/8	2067/8	21/8	BN 1798	CỤC 1C/KC	1 300		1 300		TD	NGUỒN KC
	Tàu đã làm lệnh							***21 016***		***21 016***			
1		KDT HÀ NỘI	11/8	1922/7	18/8	BN 0988	CỤC XỐ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
2		DVVT QUẢNG NINH	11/8	1937/7	18/8	BN 2139	CỤC XỐ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
3		VT & KDT	11/8	2033/8	18/8	BN 1336	CỤC XỐ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		SÔNG HỒNG - TCT ĐÔNG BẮC	11/8	1903/7	18/8	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
5		KDT CẦU ĐUỐNG	12/8	1943/8	19/8	BN 2056	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
6		KDT HẢI PHÒNG	10/8	1947/8	17/8	BN 2936	CÁM 8B	1 900		1 900		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/8	1973/8	20/8	NĐ 3692	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
8		HÀNG HẢI VIỆT NAM	13/8	1977/8	20/8	BN 1486	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
9		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	13/8	1980/8	20/8	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
10		CBT QUẢNG NINH	6/8	1993/8	13/8	QN 8759	CÁM 8B	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS
11		THAN SÔNG HỒNG	12/8	2035/8	19/8	BN 1626	CÁM 8A	917		917		TD	NGUỒN ĐN-CS
12		DVVT QUẢNG NINH	12/8	2044/8	19/8	BN 2388	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
13		THAN MIỀN NAM	14/8	2065/8	21/8	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
14		VT THỦY	15/8	2074/8	22/8	BN 2222	CÁM 8A	1 672		1 672		TD	NGUỒN ĐN-CS
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**21 889**	**14 356**	**7 533**			
	Tàu đã làm hàng							***11 729***	***11 598***	***131***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	14/8	2061	24/8	HOÀNG ANH 568	Cám 5a.1	1 900	1 886	14	15/8	HỘ LỚN	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		[illegible]	14/8	2061	24/8	HOÀNG ANH 568	Cục 4a.2	1 450	1 366	84	15/8	HỘ LỚN	
2		KDT MIỀN BẮC	13/8	2050/8	23/8	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585	2 581	4	14/8	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	13/8	2058/8	23/8	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400	1 393	7	14/8	PTCB	
4		CP XNK THAN	12/8	2049/8	19/8	QN 8748	CỤC DON 8A	944	941	3	14/8	TD	NGUỒN QUANG HANH
5		TẬP ĐOÀN THÁI SƠN HP	07/8	2003	14/8	HP 7227	CỤC DON 8A	1 200	1 190	10	14/8	TD	
6		XNK THAN VINACOMIN	14/8	2064	21/8	DŨNG CHIẾN 89	Bùn 3c	2 250	2 241	9	16/8	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***7 424***	***2 758***	***4 666***			
1		KDT MIỀN BẮC	14/8	2059	24/8	NB 8104	Cám 5a.1	2 360	1 507	853	RÓT DỞ		
2		KDT MIỀN BẮC	14/8	2060	24/8	HP 5806	Cám 6b.1	5 064	1 250	3 814	RÓT DỞ		
	Tàu đã làm lệnh							***2 736***		***2 736***			
1		KHO VẬN ĐÁ BẠC	11/8	2030/8	21/8	VIỆT NHẬT 19	CÁM 6A.1	2 736		2 736		CHUYỂN VÙNG	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**18 300**	**1 476**	**16 824**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 300***	***1 476***	***1 824***			
1		NHẬT BẢN	11/8	5641		MV YONG SHENG VII	CỤC 4A.1	3 300	1 476	1 824	RÓT DỞ		
	Tàu đã làm lệnh							***15 000***		***15 000***			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**46 906**	**5 057**	**41 849**			
	Tàu đã làm hàng							***5 000***	***5 057***	***- 57***			
1		LÀO	13/8	5703		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	5 000	5 057	- 57	15/08		TTCO: 5.000
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***10 000***		***15 000***			
1		LÀO	13/8	5704		VIỆT THUẬN 235-07	Than Anthracite Lào	10 000		10 000			KVCP:10.000
	Tàu đã làm lệnh							***31 906***		***31 906***			
1		ÚC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ tù Úc	17 000		17 000			TTCO: 12.000 KVCP: 5.000
2		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906		14 906			TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960